

Số: 04.2/BC-MN

Hà Lâm, ngày 17 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Hà Lâm.

2. Địa chỉ: Tổ 9, khu 4, phường Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh.

- Email: mnhalampgdhalong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

Cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp:

- Quản lý chính quyền: Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.

- Quản lý chuyên môn: Phòng Giáo dục và Đào tạo Hạ Long.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025)

4.1. Sứ mạng

Xây dựng trường học hạnh phúc: Tạo dựng môi trường thân thiện, có kỷ cương, nền nếp, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt, để mỗi trẻ em đều có cơ hội phát triển.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2029, giữ vững Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. Trường được biết đến là một trong những đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua của ngành giáo dục thành phố Hạ Long. Tầm nhìn đến năm 2030, Tiếp tục duy trì và phát triển bền vững đi lên, nâng Mức độ trường chuẩn quốc gia

4.3. Mục tiêu

a) Về quy mô, mạng lưới trường, lớp:

- Số lớp: 12 lớp,

- Số trẻ: 355 trẻ.

+ Nhà trẻ: 2 lớp = 50 trẻ.

+ Mẫu giáo 3-4 tuổi: 3 lớp = 75 trẻ.

+ Mẫu giáo 4-5 tuổi: 3 lớp = 90 trẻ.

+ Mẫu giáo 5-6 tuổi: 4 lớp = 140 trẻ

b) Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:

- Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc: Duy trì vững chắc các tỷ lệ 100% trẻ mầm non được học 2 buổi/ngày và tỷ lệ ăn bán trú; phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân - béo phì được khống chế.

- Chất lượng giáo dục trẻ: Bé ngoan đạt 100%; Bé chuyên cần đạt từ 90 - 98%; Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%; 100% học sinh được đánh giá kết quả 5 mặt giáo dục (các lĩnh vực phát triển).

c) Về đội ngũ giáo viên:

- Có đủ số lượng giáo viên theo quy định, 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên, trên 90% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp GVMN từ mức độ khá trở lên.

- Có ít nhất 50% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố.

- 100% CB, GV, NV sử dụng thành thạo máy tính; nhận, gửi, lưu trữ thư điện tử khoa học, hiệu quả. Truy cập, khai thác có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của Ngành và Website của nhà trường.

- Không có CB, GV, NV vi phạm pháp luật. Đoàn kết thống nhất trong nội bộ.

d) Về cơ sở vật chất trường lớp:

Hiện đại hóa cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh.

Cải tạo môi trường trong và ngoài lớp học:

- Xây dựng mô hình vườn rau, vườn hoa; cải tạo khu sân khấu; cổng trường, sửa chữa nhỏ trong nhà trường.

đ) Về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Giữ vững kết quả được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá và Sở GD&ĐT công nhận: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 giai đoạn 2024-2029 (QĐ số 64/QĐ-SGDĐT ngày 05/06/2024; QĐ số 65/QĐ-SGDĐT ngày 05/06/2024).

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao mức độ đạt của các tiêu chí.

e) Về Phổ cập giáo dục mầm non:

Tiếp tục duy trì, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Hà Lâm được thành lập năm 1978, nằm trên địa bàn phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được khẳng định qua kết quả tham gia các Hội thi do các cấp tổ chức. Nhà trường nhiều năm liền đạt thành tích tập thể lao động xuất sắc, lao động tiên tiến, nhận Bằng khen UBND tỉnh ...

Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ngày một khang trang, hoàn thiện. Cảnh quan nhà trường luôn luôn “Xanh, Sạch, Đẹp -An toàn” đáp ứng được các tiêu chí “Xây dựng trường học hạnh phúc”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Lê Thị Hiệp
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0978210688
- Email: haitinhnghich0111@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Thành lập trường: Nhà trường được thành lập năm 1978

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long v/v kiện toàn Hội đồng trường Trường MN Hà Lâm nhiệm kỳ 2021-2026 (Gồm có 09 thành viên)

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định số 5789/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND TP v/v điều động và bổ nhiệm bà Lê Thị Hiệp giữ chức vụ Hiệu trưởng trường MN Hà Lâm, thời hạn 5 năm, kể từ ngày 05/01/2022

- Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 28/05/2020 của UBND TP v/v điều động và bổ nhiệm bà Lương Thị Vinh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Hà Lâm, kể từ ngày 01/ 06/2020

- Quyết định số 3121/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND TP v/v điều động và bổ nhiệm bà Đỗ Thanh Thúy giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường MN Hà Lâm, thời hạn 5 năm, kể từ ngày 10/ 9/2018 .

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

- Quyết định số 109.1/QĐ-MNHL ngày 08/10/2024 của trường mầm non Hà Lâm.

8. Các văn bản khác

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác ...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Kết quả BDTX	
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
	Tổng số CB, GV, NV	31		1	22	2	5	1				16	8			24	
I	Giáo viên	21			20	1				15	5	13	8			21	
1	Nhà trẻ	3			2	1				2			3			3	
2	Mẫu giáo	18			18					13	5	13	5			18	
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3				3	
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2				2	
III	Nhân viên	7				1	5	1									
1	Nhân viên văn thư	0															
2	Nhân viên kế toán	1					1										
3	Thủ quỹ	0															
4	Nhân viên y tế	1					1										
5	Nhân viên khác (nấu ăn)	5				1	3	1									

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân (Số m ² /trẻ em)	Ghi chú
I	Tổng số phòng			
II	Loại phòng học			
1	Phòng học kiên cố	12		
2	Phòng học bán kiên cố			
3	Phòng học tạm			
4	Phòng học nhờ			
III	Số điểm trường	1		
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.220.4m ²	3.9m ² /trẻ	

V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	250	0.7m2/trẻ			
VI	Tổng diện tích một số loại phòng					
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	708	2.2m2/trẻ			
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	708	2.2m2/trẻ			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	94	0.2m2/trẻ			
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	512	1.6m2/trẻ			
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80				
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80	0.25m2/trẻ			
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	90	0.25m2/trẻ			
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12				
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12				
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định					
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12				
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	03 máy vi tính				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)					
1	Ti vi	12				
2	Nhạc cụ (Đàn oorgan, ghi ta, trống)	12				
3	Máy PHOTO COPY					
5	Catsset					
6	Đầu Video/đầu đĩa					
7	Đồ chơi ngoài trời	12				
8	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn = 195 Ghế = 406				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0.1	12		0.3	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày

24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

STT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x		
XIV	Kết nối internet	x		
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x		
XVI	Tường rào xây	x		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Hàng năm nhà trường tổ chức tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lý đúng quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn 100% theo Luật Giáo dục năm 2019, đáp ứng về yêu cầu nhiệm vụ công tác và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đảm bảo về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi ra trường lớp luôn đạt 100%. Các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ học 2 buổi/ngày, số lượng trẻ trong từng nhóm, lớp đảm bảo theo quy định, trẻ được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thường xuyên tham mưu với các cấp lãnh đạo, phối hợp với Ban đại diện CMHS, vận động nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường đã tạo được mối quan hệ bền vững giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Bên cạnh đó nhà trường cũng luôn chú trọng rèn kỹ năng sống cho trẻ thông qua việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho trẻ... nên hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường hàng năm luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;

Mức 1: Đạt 25/25 = 100 %; Không đạt: 0

Mức 2: Đạt 25/25 = 100 %; Không đạt: 0

Mức 3: Đạt 14/19 = 73,68 %; Không đạt 5/19 = 26,32 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

Đạt: 2/6 = 33,33 %; Không đạt: 4/6 = 66,67 %

Mức tự đánh giá của nhà trường: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo

Quyết định số 64/QĐ-SGDĐT ngày 05/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc cấp Bằng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 cho Trường Mầm non Hà Lâm - thành phố Hạ Long, thời hạn 5 năm;

Quyết định số 65/QĐ-SGDĐT ngày 05/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 cho Trường Mầm non Hà Lâm - thành phố Hạ Long, thời hạn 5 năm;

Trường mầm non Hà Lâm đã xây dựng Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài giai đoạn 2024-2029 (Kế hoạch số 19.1/KH-MNHL ngày 25/02/2024) và Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng năm học 2024-

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh

Kế hoạch số 60/KH-MNHL ngày 05/7/2024 của Trường Mầm non Hà Lâm về việc thực hiện công tác tuyển sinh, xếp lớp năm học 2024-2025

Bảng đối sánh số liệu kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 với kết quả thực hiện trong năm học 2023-2024.

Nhóm, lớp	Năm học 2023 - 2024		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 - 2025				Thực hiện đến tháng 12/2024	
	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Định biên số học sinh/lớp	Số học sinh đã có	Số học sinh tuyển mới	Số lớp	Số trẻ
Nhà trẻ	2	50	2	50	07	18	2	45
Mẫu giáo 3 - 4 tuổi	3	75	3	75	14	11	3	58
Mẫu giáo 4 - 5 tuổi	3	90	3	90	39	36	3	104
Mẫu giáo 5 - 6 tuổi	4	140	4	140	80	10	4	116
Cộng	12	355	12	355	103	37	12	323

2. Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

2.1. Năm học 2023-2024 có 100% trẻ học 02 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2.2. Kết quả công tác phổ cập trẻ mầm non 5 tuổi: $196/196 = 100\%$ trẻ hoàn thành chương trình GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

2.3. Chất lượng chăm sóc - nuôi dưỡng:

Trẻ đến trường được chăm sóc chu đáo, đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn tính mạng. Nhà trường phối kết hợp tốt với trạm y tế phường Hà

Làm kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ trong năm học. 100% học sinh đến trường được cân, đo theo quý và được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. Kết quả cân, đo và theo dõi sức khỏe trên biểu đồ của trẻ như sau:

Năm học	Tỷ lệ tăng trưởng			
	<i>Trẻ phát triển BT về cân nặng chiều cao (%)</i>	<i>Trẻ SDD nhẹ cân (%)</i>	<i>Trẻ SDD thấp còi (%)</i>	<i>Trẻ thừa cân béo phì (%)</i>
2023 - 2024	355	0	0	4

Tỷ lệ trẻ có cân nặng bình thường: $355 / 359 = 98,88 \%$. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân đầu năm là 3 học sinh, đến cuối năm không còn trẻ SDD. Tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường: $359 / 359 = 100 \%$. Tỷ lệ trẻ thấp còi: $0 / 359 = 0 \%$. Tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì: $04 / 359 = 1,12 \%$.

2.4. Chất lượng giáo dục:

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục. Ngoài ra các lớp còn ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến Steam vào tổ chức các hoạt động cho trẻ.

- 100% trẻ các độ tuổi đều đạt mục tiêu trong các lĩnh vực phát triển giáo dục. Trong năm trẻ đi học đều, duy trì nề nếp, đảm bảo tỉ lệ chuyên cần. Kết quả cụ thể như sau:

<i>Năm học</i>	<i>Tỷ lệ chuyên cần</i>	<i>Tỷ lệ bé ngoan</i>	<i>Tỷ lệ bé sạch</i>	<i>Tỷ lệ bé toàn diện</i>
2023 - 2024	99,28%	100%	99,55%	99,74%

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường được giữ vững và có chuyển biến mạnh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2024:

Nguồn kinh phí tự chủ: Cấp về: 4.525.600.000đ

Sử dụng: 4.525.600.000đ

Chuyển nguồn: 0đ

Nguồn kinh phí không tự chủ: Cấp về: 1.672.255.000đ

Sử dụng: 1.649.253.202đ

Hủy: 23.001.798đ

Nguồn tiền thưởng: Cấp về: 136.000.000đ

Sử dụng: 135.995.000đ

Hủy: 5.000đ

Nguồn học phí: Số dư đầu năm: 1.059.430.432đ

Trích lập các quỹ theo quy định: 466.430.432đ

Còn lại: 593.000.000đ

Thu + cấp về: 767.412.500đ

Trả lại phụ huynh: 111.012.500đ

Chi hoạt động: 600.408.100đ

Chi TNTT năm 2024: 413.750.000đ

Chuyển năm 2025: 235.241.900đ

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024:

Học kỳ 2, NH 2023-2024: 514.512.500đ

Học kỳ 1, NH 2024-2025: 157.500.000đ

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025

Năm học: 2023-2024:

STT	DANH MỤC QUỸ	Tồn năm 22 – 23	Thu năm 23-24	Chi năm 23-24	Tồn năm 23-24
1	Thuê người nấu	14.700	331.870.000	331.875.700	9.000
2	Tiền ăn	-	1.349.216.000	1.349.216.000	-
3	Vật tư tiêu hao	1.600	265.496.000	265.497.600	-
4	Quản lý trẻ trong giờ bán trú	23.200	329.580.000	329.593.200	10.000
5	Đón sớm trả muộn	16.100	212.950.000	212.939.800	26.300
6	Học ngày thứ 7	-	211.250.000	211.240.900	9.100
7	Tiếng Anh tăng cường	400	21.120.000	21.120.400	-
8	Kỹ năng sống	14.000	109.600.000	109.601.800	12.200
9	Dụng cụ dùng chung	243.000	16.200.000	16.436.000	7.000
	Tổng cộng	313.000	2.847.282.000	2.847.521.400	73.600

Hè năm 2024

STT	DANH MỤC QUỸ	Tồn năm học 23-24	Thu	Chi	Tồn
1	Thuê người nấu	9.000	59.220.000	59.222.616	6.384

2	Tiền ăn	-	205.997.700	205.997.700	-
3	Vật tư tiêu hao	-	31.365.000	31.365.000	-
4	Học ngày thứ 7	9.100	30.400.000	30.409.100	-
5	Phí hè	-	237.150.000	237.150.000	-
	Tổng cộng	18.100	564.132.700	564.144.416	6.384

Học kỳ 1 Năm học 2024-2025:

STT	DANH MỤC QUỸ	Tồn năm 23 - 24	Thu kỳ 1 năm 24-25	Chi kỳ 1 năm 24-25	Tồn kỳ 1 năm 24-25
1	Thuê người nấu	6.384	138.380.000	138.040.850	345.534
2	Tiền ăn	-	680.776.100	647.243.850	33.532.250
3	Vật tư tiêu hao	-	118.918.300	118.917.621	679
4	Quản lý trẻ trong giờ bán trú	10.000	129.315.000	129.152.300	172.700
5	Đón sớm trả muộn	26.300	83.922.000	83.947.440	860
6	Học ngày thứ 7	-	100.040.000	100.029.600	10.400
7	Tiếng Anh tăng cường	-	-	-	-
8	Kỹ năng sống	12.200	-	-	12.200
9	Dụng cụ dùng chung	7.000	15.900.000	7.413.700	8.493.300
	Tổng cộng	61.884	1.267.251.400	1.224.745.361	42.567.923

Trường mầm non Hà Lâm thực hiện thỏa thuận và thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục căn cứ các văn bản sau: Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 28/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh QN V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập.

STT	Tên khoản thu	Năm học 2023-2024 Mức thu (ĐV tính: đồng)			Năm học 2024-2025 Mức thu (ĐV tính: đồng)		
		Theo ngày	Theo tháng	Theo năm học	Theo ngày	Theo tháng	Theo năm học
1	Chi thuê người nấu ăn (bao gồm chi trả lương cho người nấu ăn và đóng thuế TNDN 2%)		110.000			110000	
2	Chi QL trẻ trong giờ bán trú (gồm chi cho GV trực tiếp QL trẻ; chi công tác QL dịch vụ; chi nộp thuế theo quy định)		110.000		5.000		
3	Tiền ăn bao gồm:						
3.1	- Chi mua lương thực, thực phẩm, gia vị nấu	22.000			22.000		
3.2	- Chi 2% thuế TNDN (Tạm thu - quyết toán trả lại cuối năm học)				500		
3.3	- Chi mua chất đốt; chi trả tiền điện, nước sinh hoạt; vật tư phục vụ vệ sinh; phí vận chuyển rác thải ...và 2% thuế TNDN		88.000		4100		
4	Chi mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú		80.000	50.000			50.000
5	Đón sớm, trả muộn				3.640		
6	Chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ Bảy	40.000			40.000		
8	Học tiếng anh	30.000					
9	Học kỹ năng sống	20.000					
	Thu tiền điện tiêu hao đối với việc sử dụng điều hòa tại các lớp học:	Thu theo lượng điện năng tiêu thụ thực tế của từng lớp, thu theo tháng (những tháng thời tiết nóng, các lớp bật điều hòa)					

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại KBNN đến ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	Số tiền (ĐVT: đồng)	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền gửi ngân hàng	49.575.752	TK: 128000098289
2	Số dư quỹ tiền gửi ngân hàng	85.190.238	TK: 128000098289
3	Số dư tiền gửi kho bạc	16.912.078	TK: 3713.0.1028553.00000
4	Số dư tiền gửi kho bạc	648.991.900	TK: 3716.0.1028553.00000

5. Công khai thuế năm 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người/tiền
1	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	27
2	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	3.261.838.430
3	Các khoản giảm trừ	Đồng	256.233.775
	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	2
	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	105.600.000
4	Thu nhập tính thuế	Đồng	966.806

Hàng năm nhà trường thực hiện công khai theo quy định: Công khai quy chế chi tiêu nội bộ, Công khai quyết toán tài chính năm; công khai dự toán kinh phí giao trong năm; công khai thu chi từng quý và năm tài chính.

Hình thức công khai: Thông qua cuộc họp Hội đồng sự phạm nhà trường; Quy chế chi tiêu nội bộ công khai tại Hội Nghị cán bộ viên chức và đồng thời thực hiện niêm yết tại văn phòng nhà trường trong vòng từ 15 đến 20 ngày.

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả thực hiện công tác đổi mới quản trị trường học; công tác thực hiện dân chủ cơ sở

Quản triệt cán bộ, giáo viên thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của ngành. Tổ chức điều hành chặt chẽ, linh hoạt kế hoạch giáo dục và các hoạt động trong nhà trường, huy động sự theo dõi, giám sát và hỗ trợ, giúp đỡ của các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

Thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, tăng cường các tiết dạy có sử dụng giáo án điện tử. Tham mưu tốt với cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội để xây dựng môi trường sư phạm xanh- sạch- đẹp và an toàn trong và ngoài nhà trường; tổ chức các hoạt động giáo dục như tổ chức các hội thi, các phong trào giáo dục đều trên tinh thần thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm. Thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực học đường, giáo dục về trật tự an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường kịp thời chỉ đạo giáo viên mạnh dạn điều chỉnh thời lượng; lựa chọn nội dung, hình thức, đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới về đánh giá trẻ; Đổi mới hình thức quản lý lớp học theo hướng tích cực.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với Công đoàn, Chi đoàn, các ban ngành địa phương, UBND phường, Công an phường Hà Lâm, Ban đại diện CMHS... để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, chăm lo xây dựng cơ sở

vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học và bảo đảm an toàn trật tự trường học. Đơn vị cũng đã xây dựng qui chế làm việc, qui chế ứng xử, quy chế phối hợp trong nhà trường một cách cụ thể, tăng cường quyền tự chủ, gần trách nhiệm của giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với chất lượng của lớp mình phụ trách, phát huy được sức mạnh của từng cá nhân và tập thể.

2. Công giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bộ quy tắc ứng xử trong trường học, xây dựng văn hóa học đường theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 13571/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND TP Hạ Long về việc ban hành Quy tắc ứng xử và chuẩn mực đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, đạo đức, giáo dục bảo vệ môi trường, văn hóa ứng xử trường học ... được nhà trường quan tâm và thường xuyên lồng ghép tổ chức tuyên truyền. Nhà trường cũng chú ý giáo dục trẻ và thường xuyên rèn luyện những kỹ năng ứng xử văn hoá phù hợp với lứa tuổi. Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục; mỗi cán bộ giáo viên, nhân viên, giữ vững nề nếp kỷ cương, tình thương trách nhiệm. Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp về các cuộc vận động. Tổ chức sơ kết, tổng kết các cuộc vận động theo kế hoạch. Xây dựng chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử trong trường học. Quán triệt cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt bộ quy tắc ứng xử trong trường học theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 13571/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND TP Hạ Long. Duy trì phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; Phong trào xây dựng nhà trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc.

Phối hợp với Công an phường Hà Lâm tổ chức tuyên truyền An toàn giao thông và ký cam kết phối hợp thực hiện Chỉ thị 31 của Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo an toàn giao thông thành phố, tiến hành thành lập các nhóm quản lý thông qua Zalo nhằm mục đích tuyên truyền thực hiện các chủ trương, quy định về bảo đảm TTATGT cho phụ huynh học sinh.

3. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN

Nhà trường đã chủ động tham mưu và tu sửa cơ sở vật chất phòng học, đầu tư trang thiết bị cơ bản để phục vụ tốt cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hiện tại trường có đủ các phòng học. Có các phòng chức năng: Nghệ thuật, thể chất. Tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng, đường truyền Internet để hỗ trợ giáo viên ứng dụng các chương trình CNTT phục vụ cho việc giáo dục trẻ. Xây dựng thư viện thân thiện, trang bị nhiều loại sách tham khảo, truyện và một số trang thiết bị học liệu khác phục vụ cho việc dạy và học.

4. Việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giảng dạy, học tập tại đơn vị Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên) có kiến

thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày. Nhà trường đã tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện có hiệu quả công tác báo cáo, thống kê, khai thác dữ liệu trên cơ sở dữ liệu Ngành giáo dục và đào tạo.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 (theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của đơn vị Trường Mầm non Hà Lâm.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Hiệp

